

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KS
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2025, về việc “Ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Hương

2. Bà Cao Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn CK, xã SL, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

Địa chỉ liên hệ: 18 NLB, tổ dân phố PT, phường CP, thành phố CR, tỉnh Khánh Hoà.

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lưu Trọng T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn CK, xã SL, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” ngày 02/01/2025, bản tự khai ngày 06/02/2025, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Lưu Trọng T tự nguyện tìm hiểu được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức cưới hỏi rồi chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số R0010, quyển số 01/92 ngày 22/01/1992.

Quá trình chung sống: Bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Lưu Trọng T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà N, ông T bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hoà hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên bất hoà, cãi vã, bà N, ông T mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà N nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà N yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Trọng T.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Lưu Trọng T có 02 con chung là cháu Lưu Thị N Ý, sinh ngày 13/11/1992 và cháu Lưu Thị Như H, sinh ngày 15/12/1994. Hiện nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lưu Trọng T trình bày:

Ông Lưu Trọng T và bà Huỳnh Thị Tuyết N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số R0010, quyển số 01/92 ngày 22/01/1992 đúng như bà N đã trình bày.

Quá trình chung sống: Giữa ông Lưu Trọng T và bà Huỳnh Thị Tuyết N đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hoà hợp, không có tiếng nói chung, bà N thường xuyên bỏ nhà đi chơi, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Nay ông T nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông T cũng đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Tuyết N.

Về con chung: Ông Lưu Trọng T và bà Huỳnh Thị Tuyết N có 02 con chung là cháu Lưu Thị N Ý, sinh ngày 13/11/1992 và cháu Lưu Thị Như H, sinh ngày 15/12/1994 đúng như bà N đã trình bày. Hiện hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự;

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn”.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh của cháu Lưu Thị NÝ và cháu Lưu Thị Như H, bản sao căn cước công dân mang tên Huỳnh Thị Tuyết N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Huỳnh Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về ly hôn đối với ông Lưu Trọng T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện KS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về nội dung:* Bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Lưu Trọng T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau năm 1992, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số R0010, quyền số 01/92 ngày 22/01/1992 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hoà hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, bà N và ông T đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Trọng T.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn là hoàn toàn có cơ sở và cần được chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Lưu Trọng T có 02 con chung là cháu Lưu Thị NÝ, sinh ngày 13/11/1992 và cháu Lưu Thị Như H, sinh ngày 15/12/1994. Hiện nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Các khoản nợ chung: Không có.

[3] *Về án phí:* Bà Huỳnh Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tuyết N được ly hôn ông Lưu Trọng T.

[2]. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Lưu Trọng T có 02 con chung là cháu Lưu Thị NÝ, sinh ngày 13/11/1992 và cháu Lưu Thị Như H, sinh ngày 15/12/1994. Hiện nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành, bà N, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000078 ngày 22/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. Bà Huỳnh Thị Tuyết N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Quyền kháng cáo: Ông Lưu Trọng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bà Huỳnh Thị Tuyết N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- THADS huyện KS;
- UBND xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Vương